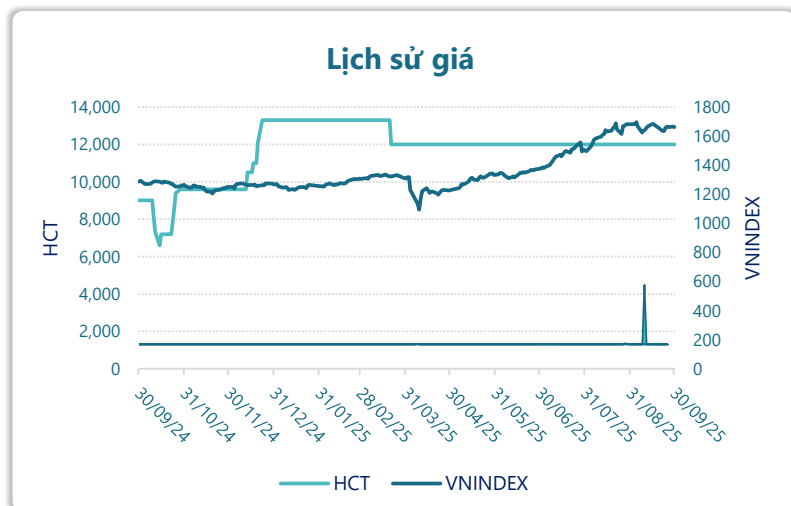


CTCP Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (HNX: HCT)



Thông tin giao dịch 30/09/2025	
Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	2,016,385
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	24
P/E	20.5
EPS	586

DT thuần

Q3/25

7.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.65 | -8.2%

YoY: ▼0.51 | -6.6%

LN sau thuế

Q3/25

0.29

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.12 | 69.5%

YoY: ▲0.19 | 188%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.1%

+/- YoY: ▲ 3.9%

DT thuần

9T 2025

22.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.10 | 0.5%

LN sau thuế

9T 2025

0.58

tỷ VNĐ

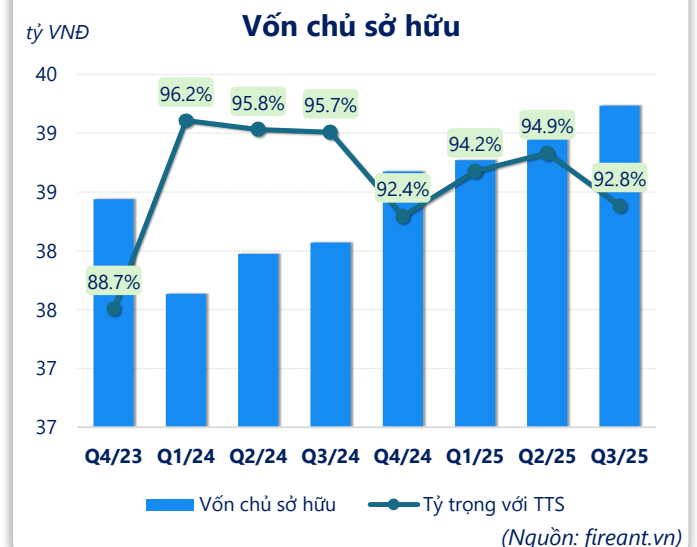
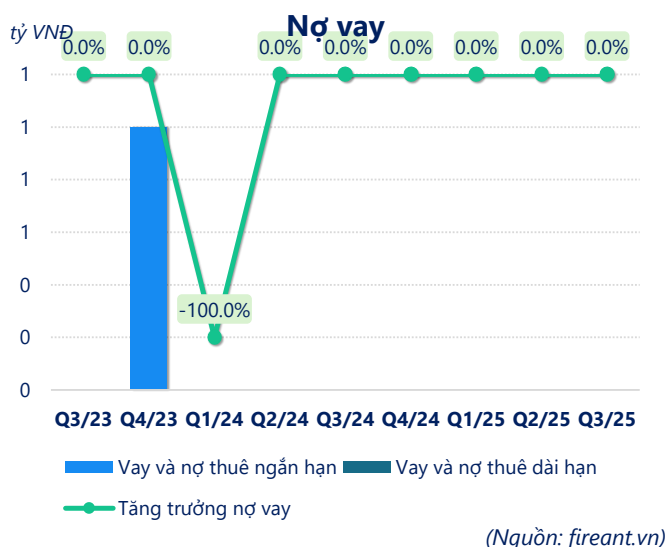
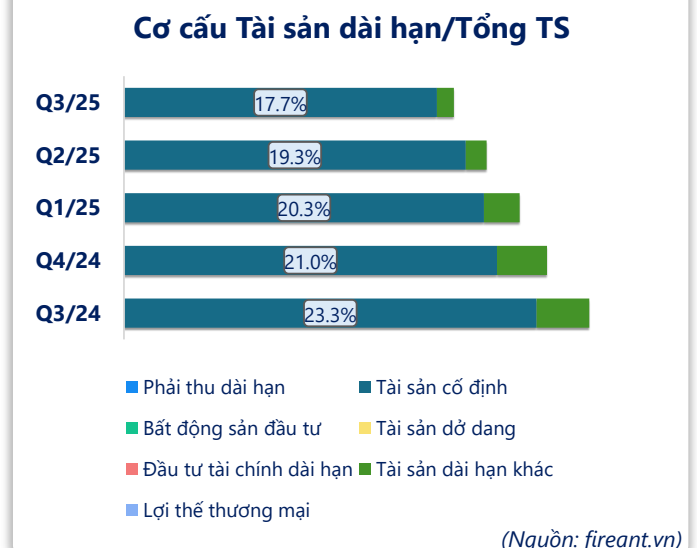
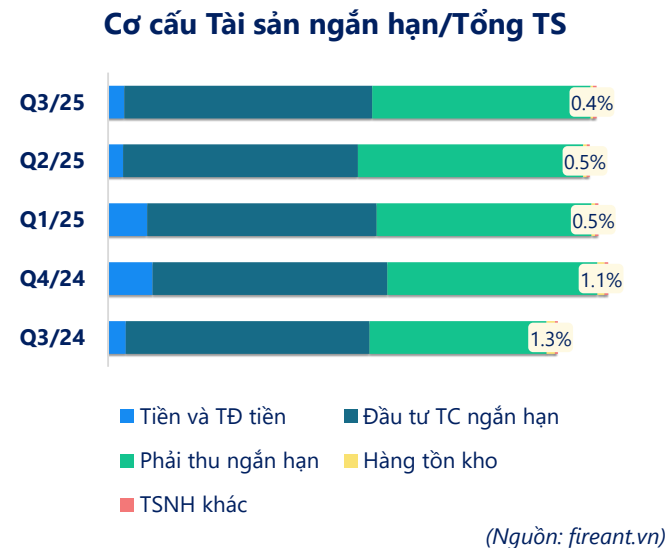
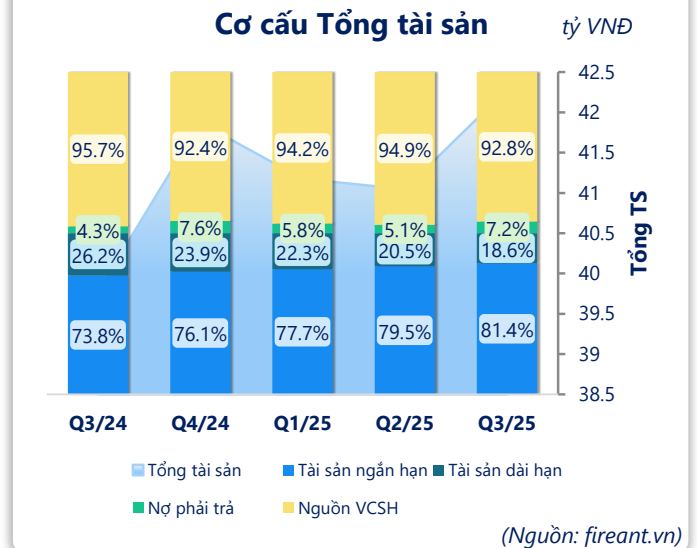
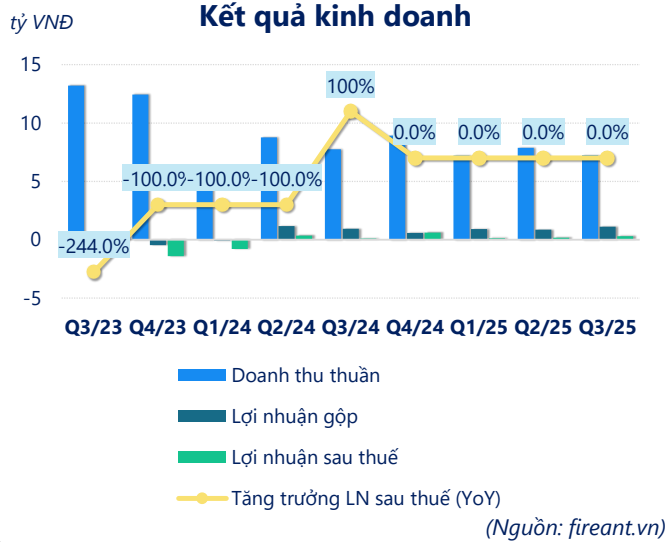
YoY: ▲ 0.95 | 255%

ROE

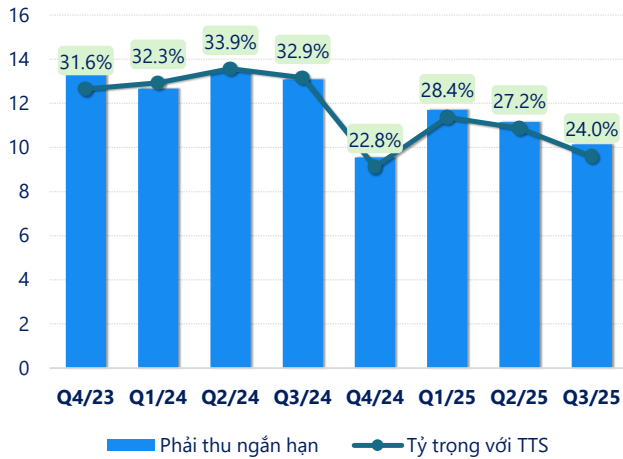
Q3/25

3.1%

+/- YoY: ▲ 7.6%

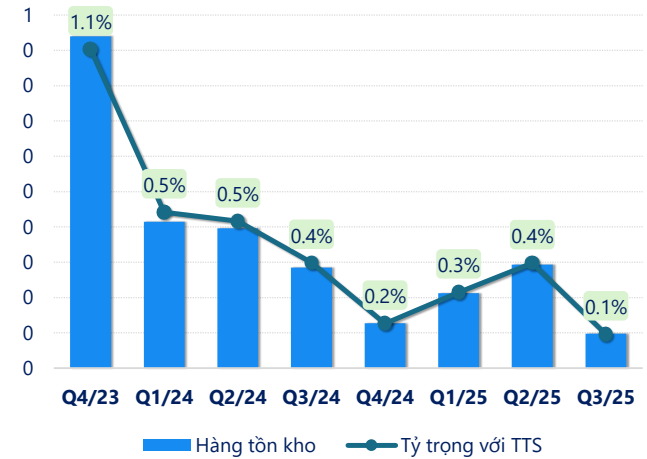


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


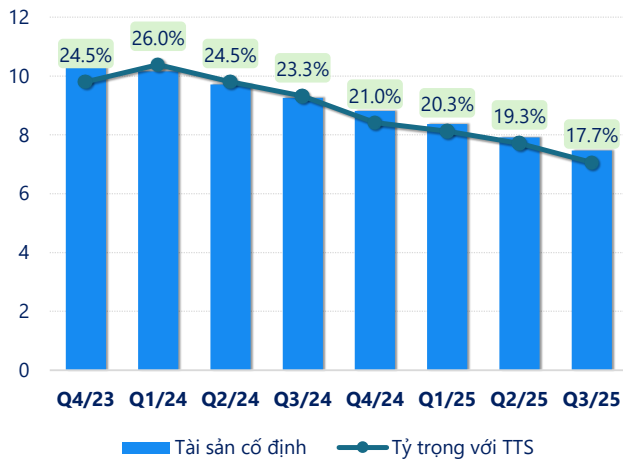
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


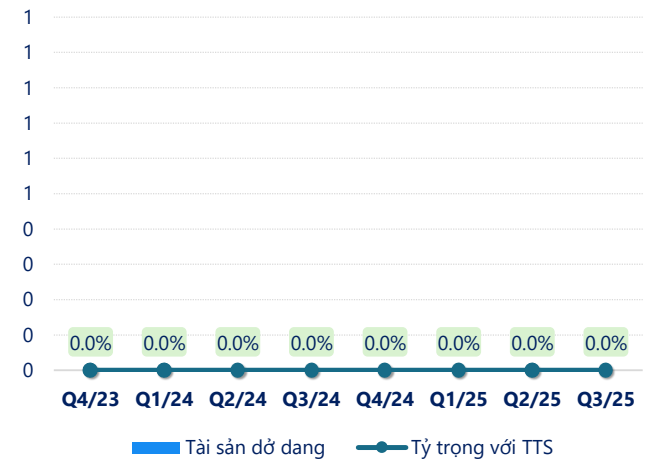
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

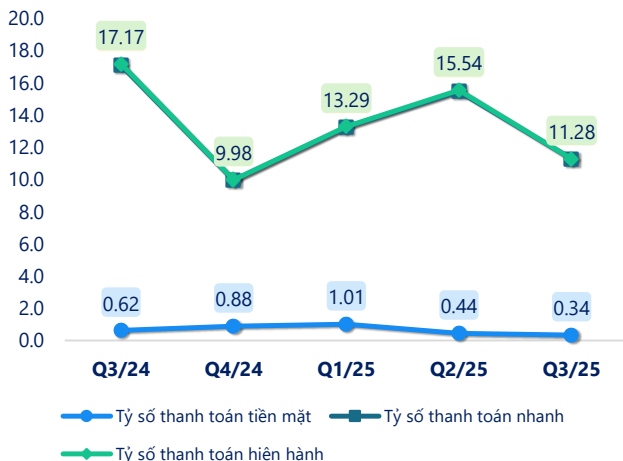
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

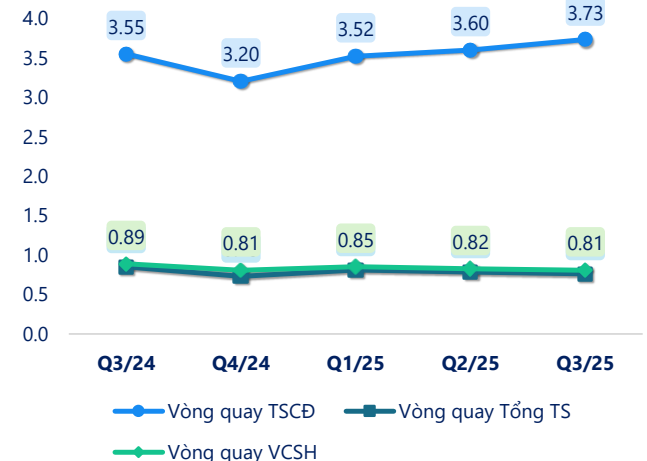
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	39.8	41.9	41.2	41.0	42.3
Tài sản ngắn hạn	29.3	31.9	32.0	32.6	34.4
Tiền và tương đương tiền	1.06	2.81	2.43	0.93	1.02
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.8	19.3	17.6	20.4	23.2
Phải thu ngắn hạn	13.1	9.54	11.7	11.2	10.1
Hàng tồn kho	0.14	0.06	0.11	0.15	0.05
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.13	0.10	0.07	0.04
Tài sản dài hạn	10.4	9.99	9.19	8.40	7.87
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	9.26	8.81	8.36	7.91	7.47
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.18	1.18	0.83	0.48	0.40
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1.71	3.19	2.41	2.10	3.05
Nợ ngắn hạn	1.71	3.19	2.41	2.10	3.05
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.71	0.77	1.10	0.76	0.89
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	38.1	38.7	38.8	38.9	39.2
Vốn chủ sở hữu	38.1	38.7	38.8	38.9	39.2
Vốn điều lệ	20.2	20.2	20.2	20.2	20.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)